

Tính đặc thù của hoạt động sáng tạo

Trần Việt Dũng*

Tóm tắt: Sáng tạo là hoạt động đặc trưng của con người, là hoạt động tạo ra cái mới có giá trị, hoạt động giải quyết vấn đề và hoạt động có mục đích của con người. Hoạt động sáng tạo bao gồm: chủ thể sáng tạo, vấn đề của sáng tạo, môi trường sáng tạo (công cụ, phương tiện, nguyên liệu của sáng tạo), sản phẩm sáng tạo. Người Việt Nam đã sáng tạo ra nhiều giá trị vật chất và tinh thần to lớn. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, người Việt Nam cần phát huy hơn nữa phẩm chất sáng tạo của mình.

Từ khóa: Sáng tạo; sáng tạo học; cái mới; giá trị.

1. Mở đầu

Sáng tạo là năng lực đặc biệt mang tính đặc trưng của con người, thể hiện khả năng vượt trội của con người so với thế giới loài vật. Bằng lao động sáng tạo, con người đã tạo ra một nền văn minh rực rỡ, tạo ra những sản phẩm kì diệu mà thiên nhiên hào phóng cũng không thể có được. Những thành quả mà con người đạt được hiện nay trong mọi lĩnh vực (từ khoa học công nghệ đến kinh tế, văn hóa, xã hội,...) đều là kết quả của hoạt động sáng tạo. Hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, khiến cho nhân tố quyết định sự phát triển của các quốc gia chủ yếu không phải là vốn, tài nguyên, mà chủ yếu là tri thức, tức là nguồn nhân lực với hàm lượng trí tuệ sáng tạo cao. Các quốc gia sẽ không thể phát triển nếu không có sáng tạo để tạo ra những sản phẩm mới ưu trội hơn. Nâng cao năng lực sáng tạo là nhu cầu cấp thiết đối với sự tồn tại và phát triển của các quốc gia. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã nêu rõ: “Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và

năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học”. Việc nâng cao năng lực sáng tạo cho người Việt Nam phụ thuộc không chỉ vào năng lực bẩm sinh của các cá nhân, mà còn phụ thuộc vào môi trường xã hội. Để tạo được môi trường xã hội thuận lợi cho sự sáng tạo, chúng ta cần hiểu được tính chất đặc thù hoạt động sáng tạo. Bài viết này đề cập đến một số quan niệm của các nhà sáng tạo học về sáng tạo học và sáng tạo.

2. Khoa học về sáng tạo

Mỗi bộ môn khoa học đều có quá trình hình thành và phát triển của nó. Khoa học về sáng tạo (hay Sáng tạo học) không phải là một ngoại lệ. Pappos (nhà toán học Hy Lạp nổi tiếng sống vào khoảng năm 300 là người đặt nền móng chính thức cho khoa học sáng tạo), trong tập 7 của tác phẩm “*Tuyển tập toán học*” đã viết về một bộ môn khoa học là Heuristics (có gốc là từ Eureka - tìm ra rồi). Heuristics nghiên cứu tư duy sáng tạo, các quy luật của sáng tạo, các phương pháp, qui tắc tạo ra các phát minh và sáng chế (phát minh và sáng chế ở đây hiểu theo nghĩa rộng nhất). Với mục

(*) Thạc sĩ, Trường Đại học Hàng hải.

ĐT: 0983380138. Email: vietdung.vimaru@gmail.com.

đích như vậy, có thể coi Heuristics chính là Khoa học sáng tạo hay Sáng tạo học. Sau Pappos, các nhà khoa học đã cố gắng tiếp tục phát triển Heuristics để xây dựng nó thành một bộ môn khoa học hoàn chỉnh. Trong số đó, phải kể đến các nhà khoa học như Descartes, Leibnitz, Bolzano và Poincaré. Theo họ, Heuristics có nhiệm vụ nhận thức quá trình giải quyết vấn đề; mục đích của Heuristics là tìm ra được các quy luật chung của các quá trình diễn ra khi con người suy nghĩ và giải quyết các vấn đề mà không phụ thuộc vào nội dung của chính các vấn đề đó. Tuy nhiên, Heuristics hay Sáng tạo học chỉ được xem xét ở những nét chung. Nó chưa phát huy được tác dụng trong việc nâng cao khả năng sáng tạo của con người, cho nên trên thực tế, ít người biết đến nó và nó dần đi vào lãng quên. G.Polya (nhà toán học người Mỹ gốc Hungary) nhận xét: “Đó là lĩnh vực nghiên cứu không có hình dáng rõ ràng... Nó được trình bày trên những nét chung chung, ít khi đi vào chi tiết”[1, tr.5].

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Heuristics đã hồi sinh, chuyển sang thời kỳ phát triển mới cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Bắt đầu từ thời kỳ này, nhiều trung tâm nghiên cứu về sáng tạo học ra đời và phát triển. Năm 1954, tại Buffalo, bang New York, Alex Osborn (tác giả của phương pháp não công) thành lập Tổ chức giáo dục sáng tạo (CFF). Năm 1967, thông qua các hoạt động của Osborn, tại đại học Buffalo, Trung tâm nghiên cứu sáng tạo (CSC) được thành lập. Hiện nay, Mỹ là nước có số lượng các nhà chuyên môn, tổ chức hoạt động nghiên cứu về sáng tạo nhiều nhất thế giới.

Ở Tây Âu, năm 1969 Edward de Bono (tác giả của phương pháp sáng tạo như tư duy chiều ngang) đã thành lập Công ty nghiên cứu nhận thức ở Cambridge và sau đó là Trung tâm nghiên cứu tư duy. Từ năm 1997, tại Đại học Malta, Edward de Bono đã đề xuất việc đào tạo thạc sỹ về sáng tạo.

Ở Liên Xô (cũ), Lý thuyết giải các bài toán sáng chế (TRIZ) do G.S.Altshuller (nhà sáng chế, nhà văn viết truyện khoa học viễn tưởng) xây dựng từ năm 1946. Năm 1968 G.S.Altshuller liên kết với Hiệp hội toàn liên bang của các nhà sáng chế và hợp lý hóa thành lập Phòng thí nghiệm nghiên cứu và áp dụng các phương pháp sáng chế, đến năm 1971 thành lập Học viện về sáng tạo sáng chế. Phương Tây biết đến TRIZ chỉ sau khi Liên Xô sụp đổ nhưng đã tiếp nhận nó một cách mau lẹ và sâu rộng do lý thuyết này có nhiều ưu điểm hơn so với các lý thuyết khác đã biết. Ngày nay, TRIZ đã trở thành thuật ngữ quốc tế.

Ở Việt Nam, TRIZ tiếp tục được kế thừa và phát huy. Năm 1991 tại Trường Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, Trung tâm Sáng tạo khoa học - kỹ thuật (TSK) ra đời và trở thành cơ sở chính thức đầu tiên ở nước ta giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu về phương pháp luận sáng tạo và đổi mới (PPLSTVĐM). PPLSTVĐM là phần ứng dụng của Khoa học về sáng tạo.

Tháng 8 năm 1990, Hội nghị quốc tế nghiên cứu về sáng tạo tổ chức tại thành phố Buffalo thuộc bang New York - Mỹ đã thống nhất đặt từ tiếng Anh Creatology cho sáng tạo học. Như vậy, Heuristics là tên cổ điển, Creatology là tên hiện đại của khoa học sáng tạo. Trong tương lai, Creatology là môn khoa học có triển vọng phát triển mạnh mẽ vì nhu cầu của thời đại kinh tế tri thức cần có những người lao động thông minh sáng tạo.

3. Định nghĩa về sáng tạo

Định nghĩa về sáng tạo luôn là thao tác tư duy quan trọng đầu tiên để hiểu về sáng tạo, sự khác biệt cơ bản giữa hoạt động sáng tạo với các hoạt động khác của con người. Tuy nhiên, hiện đang có nhiều định nghĩa về sáng tạo.

Theo L.X.Vugótxki, sáng tạo là “hoạt động tạo ra cái mới không phân biệt kết quả

tạo ra nó có ý nghĩa hiện thực cụ thể hay có ý nghĩa về mặt tư duy - tình cảm” [1, tr.25]. Tác giả Đức Uy thì cho rằng sáng tạo là “sự đột khởi thành hành động của một sản phẩm liên hệ mới mẻ, nảy sinh từ sự độc đáo của một cá nhân, và những tư liệu biến cố, nhân sự hay những hoàn cảnh của đời người ấy” [2, tr.9]. E.P.Torance (Mỹ) cho rằng, “Sáng tạo là quá trình xác định các giả thuyết nghiên cứu chúng và tìm ra kết quả” [1, tr.25].

Ở các định nghĩa trên, sáng tạo được coi là hoạt động tạo ra cái mới. Tuy nhiên, trong thực tế có những cái mới (giải pháp mới, sản phẩm mới) nhưng lại không khả thi, không có giá trị. Vì thế, theo một số tác giả, hoạt động sáng tạo không những tạo ra yếu tố “mới” mà còn tạo ra yếu tố “giá trị”. Chẳng hạn, trong Từ điển triết học, sáng tạo được hiểu “là quá trình hoạt động của con người tạo ra những giá trị vật chất, tinh thần mới về chất. Các loại hình sáng tạo được xác định bởi đặc trưng nghề nghiệp như khoa học kỹ thuật, tổ chức quân sự. Có thể nói sáng tạo có mặt trong mọi lĩnh vực của thế giới vật chất và tinh thần” [1, tr.24 - 25]. Tác giả Phan Dũng cho rằng: “Sáng tạo là hoạt động tạo ra bất kỳ cái gì có đồng thời tính mới và tính ích lợi” [3, tr.14]. Tác giả Lê Huy Hoàng quan niệm rằng: “Sáng tạo là quá trình hoạt động của con người, trên cơ sở nhận thức được các quy luật của thế giới khách quan, tạo nên những giá trị tinh thần và vật chất mới về chất, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của xã hội” [4, tr.39]. Theo M.E.Wilson: “Sáng tạo là quá trình mà kết quả là tạo ra những kết hợp mới cần thiết từ các ý tưởng, dạng năng lượng, các đơn vị thông tin, các khách thể hay tập hợp của hai - ba các yếu tố nêu ra” [2, tr.27 - 28]. Tác giả Phạm Thành Nghị coi sáng tạo “là quá trình tiến tới cái mới, là năng lực tạo ra cái mới, sáng tạo được đánh giá trên cơ sở sản phẩm mới, độc đáo và có giá trị” [5, tr.28].

Mặc dù có sự khác biệt nhất định trong

cách hiểu về sáng tạo nhưng các định nghĩa trên đều coi sáng tạo là hoạt động tạo ra cái mới và có giá trị. Tuy nhiên, theo một số tác giả sáng tạo có mối liên hệ mật thiết với giải quyết vấn đề, sáng tạo cần được coi như là kết quả của hoạt động giải quyết vấn đề. J.H.Lavsa (Tiệp Khắc cũ) cho rằng: “Sáng tạo là sự lựa chọn và sử dụng những phương tiện mới, cách giải quyết mới” [1, tr.25]. Ở đây, sáng tạo là giải quyết vấn đề theo cách mới. Trường phái Gestal thì lại cho rằng “sáng tạo là sự thấu hiểu xuất hiện khi người tư duy nắm bắt được những nét chính yếu của vấn đề và mối quan hệ của chúng với giải pháp cuối cùng. Sáng tạo được coi là hoạt động giải quyết vấn đề đặc trưng bởi tính mới mẻ, tính phi truyền thống, sự bền bỉ và khó khăn trong hình thành vấn đề” [5, tr.27].

4. Đặc điểm của sáng tạo

Sáng tạo là hoạt động tạo ra cái mới có giá trị. Cái mới có giá trị chính là sản phẩm sáng tạo. Sản phẩm sáng tạo bao giờ cũng phải có yếu tố “mới” và “giá trị”. Nếu sản phẩm chỉ có “giá trị” mà không có yếu tố “mới” thì đó chỉ là sự tái tạo cái đã có. Nếu sản phẩm chỉ có yếu tố “mới” mà không có yếu tố “giá trị” thì mục đích chủ thể không thể đạt được. Các sản phẩm sáng tạo (như “*Truyện Kiều*” của đại thi hào Nguyễn Du, “*Hệ thống bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học*” của D.I.Mendeleev, “*Định lý Pitago*” của nhà toán học Hy Lạp Pitago, “*Lý thuyết quản lý theo khoa học*” của F.W.Taylor, sáng chế “*máy hơi nước*” của James Watt...) đều có yếu tố mới và giá trị; trong đó yếu tố mới là nổi bật. Giá trị mới được tạo ra trên cơ sở của tư duy là sản phẩm sáng tạo. Tuy nhiên, một số sản phẩm được tạo ra tuy có giá trị nhưng yếu tố “mới” không đáng kể, hoặc tuy có yếu tố “mới” nhưng yếu tố giá trị lại không đáng kể. Khi đó thật khó đánh giá sản phẩm ấy có phải là sản phẩm sáng tạo không và hoạt

động tạo ra sản phẩm đó có phải là hoạt động sáng tạo hay không. Trong những trường hợp khó xác định như vậy thì cần ưu tiên yếu tố mới so với yếu tố giá trị. Nói cách khác, trong hai yếu tố “mới” và “giá trị” thì yếu tố mới là yếu tố tiêu biểu hơn cho đặc trưng của sáng tạo.

Sáng tạo là hoạt động giải quyết vấn đề. Ở đâu có sáng tạo thì ở đó chắc chắn có vấn đề, ở đâu có vấn đề thì ở đó có thể dẫn đến sáng tạo. Sáng tạo là nhằm giải quyết vấn đề đặt ra. Sáng tạo là hoạt động hướng đến đối tượng (đối tượng của vấn đề) để vượt tới điều cần có (đó là mục đích của vấn đề nhưng hiện thời chưa thể đạt được với sự hiểu biết hiện thời). Điều cần có chính là sản phẩm sáng tạo (đồng thời là giải quyết được vấn đề). Tuy nhiên, việc giải quyết vấn đề có thể là do ngẫu nhiên, do ai đó mách bảo, hoặc do tài liệu đưa lại. Giải quyết vấn đề một cách ngẫu nhiên như vậy không phải là sáng tạo. Vì vậy, với sáng tạo thì hoạt động giải quyết vấn đề phải được coi như là kết quả tất yếu của quá trình tư duy của con người. Sáng tạo là hoạt động giải quyết vấn đề nên cũng là hoạt động giải quyết mâu thuẫn. Khi vấn đề đã được xác định thì mâu thuẫn trung tâm là mâu thuẫn giữa một bên là mong muốn của chủ thể nhận thức (chủ thể muốn biết lời giải của vấn đề, chủ thể đã nắm bắt và có khả năng nắm bắt được một số thông tin về vấn đề) với một bên là bí ẩn của khách thể nhận thức.

Sáng tạo là hoạt động có mục đích của con người. Không có mục đích (hay động cơ) thì không thể có hoạt động sáng tạo. Mục đích sáng tạo thúc đẩy chủ thể hoạt động tạo ra giá trị mới. Mục đích sáng tạo xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn xã hội. Nó không phải là hoạt động tự phát, hay hoạt động mang tính bản năng, mà là hoạt động trong đó chủ thể có ý thức rõ ràng về mục đích của mình và tự giác thực hiện nhiệm vụ mà bản thân đặt ra (mặc dù trong

các giai đoạn của sáng tạo, tiềm thức, vô thức có vai trò nhất định nhưng hoạt động tự ý thức vẫn giữ vai trò chủ đạo). Khi xét thực tiễn theo nghĩa là hoạt động có mục đích nhằm tạo ra những sản phẩm (vật chất, tinh thần) phục vụ nhu cầu của đời sống thì có thể nói rằng “sáng tạo gắn liền với lao động, hay sáng tạo chính là sự phản ánh của trình độ khác nhau của lao động” [4, tr.38], sáng tạo là việc đáp ứng nhu cầu khách quan của thực tiễn xã hội. Khi đó thì chúng ta mới thấy rằng sáng tạo là kết quả tất yếu của quá trình tư duy của con người.

5. Những bộ phận hợp thành của hoạt động sáng tạo

Hoạt động sáng tạo bao gồm 4 bộ phận hợp thành có mối quan hệ chặt chẽ. Đó là: chủ thể sáng tạo; vấn đề của sáng tạo; môi trường sáng tạo (bao hàm công cụ, phương tiện, nguyên liệu của sáng tạo); sản phẩm sáng tạo. Cả 4 bộ phận trên bao quát tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng tác động đến hoạt động sáng tạo, đến kết quả của sáng tạo. Nếu thiếu một trong 4 bộ phận trên thì hoạt động sáng tạo sẽ không diễn ra hoặc không còn là hoạt động sáng tạo. Chẳng hạn, nếu không có sản phẩm sáng tạo thì hoạt động của con người chỉ là hoạt động giải quyết vấn đề chứ không phải là hoạt động sáng tạo. Trong 4 bộ phận đó, chủ thể sáng tạo giữ vị trí trung tâm của hoạt động sáng tạo; sản phẩm sáng tạo là kết quả cuối cùng của sáng tạo; mục đích của vấn đề tạo nên định hướng của hoạt động sáng tạo.

Chủ thể sáng tạo (cá nhân hay tập thể) giữ vai trò quyết định trong quá trình tạo ra sản phẩm sáng tạo. Có thể có rất nhiều người cùng tạo ra sản phẩm sáng tạo. Chẳng hạn, có những công trình xây dựng phải cần đến hàng vạn người (như xây dựng Kim Tự Tháp ở Ai Cập). Nhưng không phải tất cả những người tham gia đó đều là chủ thể sáng tạo. Chủ thể sáng tạo là những người quyết định đến sản phẩm sáng tạo,

những người khác là những người mang tính chất giúp việc cho chủ thể sáng tạo. Ở hầu hết những sản phẩm sáng tạo thì ý tưởng, lời giải của sản phẩm sáng tạo luôn là phân quan trọng nhất, do vậy chủ thể sáng tạo trước hết phải là người tạo ra ý tưởng, lời giải của sản phẩm. Đối với những công trình sáng tạo lớn, có nhiều hạng mục thì chủ thể sáng tạo là một tập thể, mỗi cá nhân trong tập thể đảm nhận giải quyết một vấn đề lớn trong hệ vấn đề. Ví dụ, khi xây dựng một công trình lớn như đường hầm xuyên biển thì chủ thể sáng tạo là tập thể những cá nhân có nhiệm vụ xây dựng dự án, thiết kế công trình, tổ chức thi công công trình, trong đó thiết kế công trình giữ vai trò quan trọng nhất.

Vấn đề sáng tạo theo Phan Dũng là bài toán, là tình huống, ở đó người giải biết mục đích cần đạt, nhưng không biết cách đạt đến mục đích, hoặc không biết cách tối ưu đạt đến mục đích trong một số cách đã biết [3, tr.17]. Nhóm tác giả Nguyễn Cảnh Toàn cho rằng: “Vấn đề hay tình huống có vấn đề là trạng thái tâm lí lúng túng của con người xuất hiện trong quá trình nhận thức hay trong hoạt động thực tiễn như một mâu thuẫn giữa cái biết và cái chưa biết, giữa chủ thể và khách thể” [6, tr.92 - 93]. Như vậy theo hai tác giả trên, vấn đề là tình huống hay bài toán, ở đó chủ thể xác định nhiệm vụ hoạt động hướng đến đối tượng nhằm đạt mục đích nhất định (nhưng chưa thể đạt mục đích do sự hiểu biết hiện thời của chủ thể và có thể do thiếu những nguồn lực về công cụ, phương tiện, kỹ năng, tài chính...). Đạt được mục đích là giải quyết được vấn đề từ đó thỏa mãn được nhu cầu xác định. Tất cả những vấn đề khi giải quyết được đều đem lại sản phẩm sáng tạo. Tuy nhiên có những vấn đề đòi hỏi năng lực sáng tạo ở mức cao của chủ thể thì mới có thể giải quyết được. Do vậy, vấn đề sáng tạo là vấn đề khó. Để giải được vấn đề khó thì người giải phải

thoát được cách tư duy lối mòn, phải có sự phá cách, phải tìm ra cách thức tư duy mới.

Môi trường sáng tạo (bao hàm công cụ, phương tiện, nguyên liệu của sáng tạo) là một trong bốn bộ phận hợp thành của hoạt động sáng tạo. Môi trường sáng tạo bao gồm toàn bộ những yếu tố tự nhiên, xã hội (tạo thành môi trường sống của chủ thể) vốn có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động sáng tạo của chủ thể. Môi trường sáng tạo bao gồm 8 thành phần sau: khí hậu; cảnh quan có liên quan; tài nguyên thiên nhiên có liên quan; hệ thống pháp luật và chính sách liên quan (mang tính kích thích hay kìm hãm sáng tạo ở nhiều loại hình sáng tạo nhất định dưới góc độ của thể chế); hệ tư tưởng xã hội liên quan (ý thức chính trị, pháp quyền, triết học, ý thức tôn giáo, ý thức đạo đức... có thể kích thích hay kìm hãm sáng tạo ở nhiều loại hình sáng tạo nhất định); nguồn thông tin liên quan (học thuyết, tư tưởng, tư liệu khoa học liên quan đến vấn đề của sáng tạo...); sự ảnh hưởng trực tiếp của tập thể đến chủ thể sáng tạo về tâm lý (khuyến khích hay cấm đoán, khen ngợi hay chê bai...), về điều kiện (thời gian, tài chính, phương tiện, công cụ được sử dụng và khai thác) sáng tạo; nhu cầu (vấn đề) của thời đại, xã hội hay tập thể (có thể ảnh hưởng đến cá nhân tạo nên động lực để cá nhân giải quyết vấn đề của cộng đồng). Môi trường sáng tạo cụ thể ảnh hưởng đến hoạt động sáng tạo của chủ thể nhất định theo hai chiều hướng: tích cực (nếu như có tác dụng thúc đẩy sáng tạo, đem lại hiệu quả hơn cho chủ thể trong quá trình sáng tạo) và tiêu cực (nếu kìm hãm sáng tạo, không tạo điều kiện thuận lợi cho sáng tạo đạt hiệu quả). Để nâng cao năng lực sáng tạo của chủ thể, chúng ta có thể tác động vào môi trường sáng tạo, từ đó môi trường sáng tạo tác động theo hướng tích cực đến hoạt động sáng tạo của chủ thể. Nhu cầu giải quyết vấn đề của xã hội, của thời đại sẽ

là động lực thúc đẩy việc phát huy năng lực sáng tạo của con người. Đó là nhân tố xã hội quan trọng để con người phát triển năng lực sáng tạo của mình nhằm giải quyết vấn đề đặt ra. Chế độ dân chủ, tự do (nằm ở thành phần pháp luật và chính sách của nhà nước) trong đời sống xã hội là điều kiện khách quan cho sự phát huy tiềm năng sáng tạo của những cá nhân trong xã hội. Ngược lại, chế độ độc tài, chuyên chế sẽ là nhân tố kìm hãm, làm thui chột khả năng sáng tạo của cá nhân trong xã hội. Trong hầu hết các hoạt động sáng tạo, con người phải cần đến những công cụ, phương tiện, nguyên liệu để sáng tạo sản phẩm. Chủ thể sáng tạo khi sử dụng công cụ, phương tiện hay nguyên liệu đều phải khai thác, sử dụng từ môi trường sáng tạo (dưới hình thức mua, mượn, xin hay tự tìm kiếm). Họa sĩ không thể có một bức tranh nếu không có giấy (vải, gỗ...), bút, phẩm màu. Nhà khoa học thực nghiệm cần có những dụng cụ thí nghiệm. Có những ý tưởng mãi mãi chỉ là ý tưởng chứ không thể thành sản phẩm được vì thiếu những điều kiện khách quan cần thiết để vật chất hóa tư tưởng (vật liệu, máy móc, thiết bị). Tuy nhiên, có hoạt động sáng tạo chỉ thuần túy sử dụng tri thức của chủ thể để tạo ra sản phẩm sáng tạo. Ví dụ như: sáng tác thơ, phát minh định lý trong toán học.

Sản phẩm sáng tạo là kết quả của hoạt động sáng tạo, là sự kết tinh năng lực sáng tạo của chủ thể đối với vấn đề nhất định đó. Sản phẩm sáng tạo là “cái mới có giá trị”. Sản phẩm sáng tạo phải tồn tại dưới một hình thái nhất định (hình thái vật chất hay hình thái tinh thần); “nó được lưu lại trong thời gian” dưới một hình thức nhất định khiến cho con người có thể khai thác giá trị của nó không chỉ một lần.

6. Kết luận

Dân tộc nào ít nhiều cũng đều có tính sáng tạo. Đối với dân tộc Việt Nam, sáng tạo là một trong những phẩm chất nổi bật.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã chỉ ra những phẩm chất cơ bản của con người Việt Nam là: “lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống” [7, tr.56]. Trong các phẩm chất đó có phẩm chất sáng tạo hay sáng tạo trong lao động. Người Việt Nam đã sáng tạo ra nhiều giá trị vật chất và tinh thần to lớn. Tuy nhiên trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay, người Việt Nam cần phát huy hơn nữa phẩm chất sáng tạo của mình. Để làm được điều đó cần có nhiều điều kiện. Việc nhận thức đúng đắn những vấn đề lý luận của sáng tạo học là một điều kiện cần thiết để khơi dậy và phát huy năng lực sáng tạo của con người Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Huỳnh Văn Sơn (2009), *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Đức Uy (1999), *Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Phan Dũng (2010), *Giới thiệu phương pháp luận sáng tạo và đổi mới*, (t.1 bộ sách *Sáng tạo và đổi mới*), Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] Lê Huy Hoàng (2002), *Sáng tạo và những điều kiện chủ yếu để kích thích sự sáng tạo của con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Phạm Thành Nghị (2012), *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Cảnh Toàn, Nguyễn Văn Lê, Châu An (2004), *Khơi dậy tiềm năng sáng tạo*, Nxb Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

